

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 11 năm 2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương

2. Ông Nguyễn Gia Khải

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXX-ST ngày 05/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà X, tổ Y, khu X, thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức G, sinh năm 1970

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà X, tổ Y, khu X, thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

(Chị N có mặt, anh G vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức G có tự do, tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/1994 tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q đến năm 2004 thì chuyển lên sinh sống tại thị trấn Q cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, hai bên không hợp nhau về cách sống, luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đã gửi đơn ly hôn ra Tòa vào năm 2020 sau đó lại rút đơn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 09/2020 đến nay. Vào chiều ngày 16/9/2021 anh G có hành động bạo lực kéo tay và tóc chị, chị có cung cấp hình ảnh cho Tòa án. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh G nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài L sinh ngày 19/02/1996 và Nguyễn Đức K sinh ngày 20/5/2006. Ly hôn chị đề nghị con L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao con K cho anh G nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Đức G trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải:*
Về quá trình, điều kiện kết hôn, như Chị N trình bày như trên là đúng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2020 Chị N có gửi đơn lên Tòa sau đó lại rút đơn ly hôn. Vào chiều ngày 16/9/2021 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn anh có hành động dùng tay kéo tóc Chị N như chị trình bày. Nay Chị N có đơn xin ly hôn anh xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài L sinh ngày 19/02/1996 và Nguyễn Đức K sinh ngày 20/5/2006. Nếu ly hôn anh đề nghị con L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh xin nuôi con K và không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Đức K ngày 01/11/2021 thể hiện:*

Cháu Nguyễn Đức Kiên, sinh ngày 20/5/2006 là con đẻ của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức G. Từ khi chị N, anh G ly thân thì cháu ở cùng anh G. Hiện cháu K đang học lớp 10A6, trường Trung học phổ thông Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nay chị N, anh G ly hôn thì cháu K có nguyện vọng ở với anh G.

- *Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Q và Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 12/12/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q đến năm 2004 thì chuyển lên sinh sống tại thị trấn Q cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng Chị N và anh G có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ. Nay Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị N, anh G có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài L sinh ngày 19/02/1996 và Nguyễn Đức K sinh ngày 20/5/2006, ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của hai bên để giải quyết. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức G là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện có mặt tại địa phương đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị N, anh G được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện

Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/12/1994 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, Chị N đã từng gửi đơn ly hôn ra Tòa vào năm 2020 sau đó lại rút đơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay không hồi hàn, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị N đề nghị ly hôn nhưng anh G không đồng ý ly hôn và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nhà. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị được ly hôn anh G là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức G có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài L sinh ngày 19/02/1996 và Nguyễn Đức K sinh ngày 20/5/2006. Ly hôn anh, chị đề nghị con L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh G xin nuôi cháu K và không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Đức K cũng có nguyện vọng ở cùng anh G. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của anh G là chính đáng. Kể từ khi vợ chồng ly thân, một mình anh G nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Đức K cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G không yêu cầu Chị N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Đức G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đức G.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao anh Nguyễn Đức G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức K sinh ngày 20/5/2006 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh G không yêu cầu Chị N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0004469 ngày 28/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đức G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Quốc Doanh

